

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2024/DS-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến.

2. Bà Hà Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 22/02/2024 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: 1. Ông Trương Văn H1, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Trước đây giữa bà Trịnh Thị H với ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 là bà con cô cậu ruột nên bà H có nhiều lần cho vợ chồng ông H1, bà T1 mượn vàng và tiền. Tính đến tháng 4 năm 2023 tổng số vàng và tiền vợ chồng ông H1, bà T1 mượn của bà H là 05 chỉ vàng 24k và 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng), tuy nhiên mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng ông H1, bà T1 vẫn trốn tránh không thực hiện việc trả nợ. Do đó vào tháng 4 năm 2023 bà H có gửi đơn yêu cầu tổ hòa giải ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre giải quyết vụ việc trên.

Tại biên bản hòa giải bà T1 có thừa nhận sự việc có mượn vàng và tiền của bà H đồng thời hai bên thỏa thuận bà H bắt bỏ đang mang thai 04 tháng của vợ chồng ông H1, bà T1 (với giá trị tại thời điểm đó là khoảng 17.000.000 đồng), nếu trong thời hạn 15 ngày bà T1 không chuộc sẽ được trừ vào số tiền vay 19.500.000 đồng vì là bà con cô cậu ruột nên bà H chấp nhận lấy bỏ với giá cao hơn thị trường còn lại 05 chỉ vàng 24k hai bên thỏa thuận cuối năm 2023 vợ chồng ông H1, bà T1 sẽ trả 01 chỉ vàng 24k các năm tiếp theo mỗi năm trả 02 chỉ vàng 24k.

Tuy nhiên đến nay đã quá hạn thanh toán số vàng theo cam kết của đôi bên mặc dù bà H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng ông H1, bà T1 không thực hiện việc trả vàng theo như cam kết. Ông H1, bà T1 cố tình không thực hiện mà còn dùng nhiều lời lẽ chửi bới xúc phạm bà H.

Do đó bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải có trách nhiệm trả cho bà T1 số vàng còn nợ là 05 (Năm) chỉ vàng 24k; không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày:

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; thành viên Hội đồng xét xử

thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 166, 288 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị H 05 (Năm) chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà T1 và ông H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trịnh Thị H số vàng còn nợ là 05 (Năm) chỉ vàng 24K; không yêu cầu tính lãi suất.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn căn cứ vào biên bản hòa giải của ấp B, xã V, huyện B, ngày 20/4/2023. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt cho ông H1, bà T1 thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, trong đó có biên bản hòa giải của ấp B, xã V, huyện B ngày 20/4/2023 do bà H giao nộp; Tòa án đã tổng đạt thông báo hòa giải cho ông H1, bà T1 nhưng ông H1, bà T1 không có ý kiến, cũng không có văn bản phản đối tài liệu mà phía nguyên đơn đưa ra nên phía nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó căn cứ vào biên bản hòa giải của ấp B, xã V, huyện B vào ngày 20/4/2023 mà bà H cung cấp và biên bản xác minh của Tòa án đối với Hội có cơ sở xác nhận bà Nguyễn Thị Lệ T1 và ông Trương Văn H1 có nợ của bà Trịnh Thị H 05 (Năm) chỉ vàng 24k; do ông H1, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5 chỉ vàng (tương đương số tiền 38.500.000 đồng; 7.700.000 đồng/chỉ) x 5% = 1.925.000 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 288, 429, 463 Bộ luật Dân sự; Điều 92, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H về việc Đòi lại tài sản. Buộc ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trịnh Thị H số vàng còn nợ là 05 (Năm) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 1.925.000 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 775.000đ (Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000236 ngày 08/01/2024 của Chi cuộc Thi hành án dân sự huyện B.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn ông Trương Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu